TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN BÀN** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2025/HNGĐ-ST
Ngày 27-6-2025
V/v L hôn, tranh chấp về nuôi con khi L hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN - TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Liên.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hồ Trọng Trung
2. Ông Lê Duy Bình

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

Ngày 27 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 104/2025/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2025 về "L hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lý Văn K - Sinh năm: 1981.
Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Lào Cai - Có mặt.
2. Bị đơn: Chị Lê Thị L - Sinh năm: 1981.
Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 29/5/2025 và bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh Lý Văn K trình bầy:

Anh và chị Lê Thị L chung sống như vợ chồng từ năm 1997, tuy nhiên từ đó đến nay không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do kinh tế gia đình khó khăn, anh chị bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống không hoà thuận, hạnh phúc. Do mâu thuẫn trầm trọng nên anh và chị L đã sống L thân, từ đó đến nay không quan tâm đến nhau. Anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án giải quyết cho anh chị L hôn.

Tại bản tự khai ngày 04/6/2025 và tại phiên toà, chị Lê Thị L trình bầy, chị và anh Lý Văn K chung sống như vợ chồng từ năm 1997 nhưng từ đó đến nay không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình

chung sống anh chị có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, chị có nghe nói việc anh K không chung thuỷ với chị, mặc dù không có bằng chứng cụ thể nhưng anh chị đã xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Anh, chị đã sống L thân từ năm 2020 đến nay không còn quan tâm đến nhau. Đến nay, anh K có đơn đề nghị Tòa án giải quyết L hôn thì chị đồng ý, đề nghị Toà án giải quyết cho anh chị L hôn.

Về con chung: Anh K và chị L đều trình bầy, quá trình chung sống anh chị có 04 con chung là cháu Lý Thị K - Sinh ngày: 12/8/1998, cháu Lý Thị L – Sinh ngày: 01/8/2000, cháu Lý Quang T – Sinh ngày: 05/10/2005 và cháu Lý Văn L – Sinh ngày: 06/9/2012; hiện tại các cháu đều phát triển bình thường, cháu K, L và T đều trên 18 tuổi nên anh chị không yêu cầu Toà án giải quyết. Đối với cháu L, chị L và anh K thoả thuận để chị L nuôi dưỡng cháu Lý Văn L sau khi L hôn, anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho cháu L là 1.000.000đồng/tháng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh K, chị L tự thoả thuận chia tài sản chung và không có công nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự theo quy định. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai các tài liệu, chứng cứ và hoà giải về việc nuôi dưỡng con chung, các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc nuôi dưỡng con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung sau khi L hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Lý Văn K khởi kiện xin L hôn với chị Lê Thị L và đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng chăm sóc con chung khi L hôn. Các đương sự đều có hộ khẩu thường trú tại xã Tân Thượng, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Vì vậy đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh K và chị L chung sống như vợ chồng từ năm 1997 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh K đã có đơn được địa phương xác nhận về việc không đăng ký kết hôn với chị L. Vì vậy có đủ căn cứ xác nhận các đương sự chung sống như vợ chồng từ năm 1997 và không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho L hôn.

Xét thấy, các đương sự đều trình bầy có mâu thuẫn, không có giải pháp khắc phục và đã sống L thân từ năm 2020, mâu thuẫn của các đương sự đã được địa phương xác nhận là đúng sự thật, vì vậy việc anh K đề nghị Tòa án giải quyết cho L hôn với chị L là có căn cứ. Do các đương sự không đăng ký kết hôn nên cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Lý Văn K và chị Lê Thị L theo quy định tại Khoản 1 Điều 9, Khoản 1 Điều 14, Khoản 2 Điều 53

Luật hôn nhân và gia đình. Quan hệ hôn nhân giữa các đương sự chấm dứt từ thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật theo quy định tại Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Qúa trình chung sống, anh K và chị L có 04 người con chung là cháu Lý Thị K - Sinh ngày: 12/8/1998, cháu Lý Thị L – Sinh ngày: 01/8/2000, cháu Lý Quang T – Sinh ngày: 05/10/2005 và cháu Lý Văn L – Sinh ngày: 06/9/2012; hiện tại các cháu đều phát triển bình thường, cháu K, L và T đều trên 18 tuổi nên anh chị không yêu cầu Toà án giải quyết. Đối với cháu L, trước khi mở phiên toà chị L và anh K thoả thuận để chị L nuôi dưỡng cháu Lý Văn L sau khi L hôn, anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho cháu L là 1.000.000đồng/tháng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Nguyên đơn, bị đơn đều có mức thu nhập được địa phương xác nhận đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng. Toà án đã hỏi ý kiến, cháu L có nguyện vọng ở với chị L. Vì vậy cần giao cháu Lý Văn L cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, phù hợp với nguyện vọng của cháu L. Anh Lý Văn K có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con con chung cho cháu Lý Văn L là 1.000.000đồng/tháng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự đều không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, xác nhận không có công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Lý Văn K phải chịu án phí L hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9; Khoản 1 Điều 14; Khoản 2 Điều 53, Điều 57, Điều 107 và 110 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1.Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Lý Văn K và chị Lê Thị L.

Quan hệ hôn nhân giữa anh Lý Văn K và chị Lê Thị L chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Xử công nhận thoả thuận của các đương sự về việc nuôi dưỡng con chung sau khi L hôn, giao cháu Lý Văn L - Sinh ngày: 06/9/2012 cho chị Lê Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi; Anh Lý Văn K phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho cháu Lý Văn L là 1.000.000đồng/tháng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Sau khi L hôn, anh Lý Văn K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Lý Văn K phải chịu tiền án phí L hôn là 300.000 và 150.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo giấy thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Toà án số 000004602542 ngày

29/5/2025 nộp qua Cổng dịch vụ công quốc gia (Biên lai số 0004287 thu từ lệnh thanh toán đến ngày 29/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai). Anh Lý Văn K còn phải nộp số tiền tiền án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Văn Bàn (2);
- THADS huyện Văn Bàn;
- Đương sự (02);
- Lưu HS, TA, VP .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hoàng Liên

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoàng Liên

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Văn Bàn (2);
- THADS huyện Văn Bàn;
- Đương sự (02);
- Lưu HS, TA, VP .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hoàng Liên

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Laing Lai

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Laing Lai